

Số: 105 /KH-UBND

Cửa Lò, ngày 16 tháng 7 năm 2021

KẾ HOẠCH

**Giảm sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên; cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hoá và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, sức khoẻ sinh sản giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030
trên địa bàn thị xã Cửa Lò**

Thực hiện kế hoạch số 269/KH-UBND, ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về ban hành “Kế hoạch giảm sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên; cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, sức khoẻ sinh sản giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Nghệ An; để góp phần thực hiện tốt mục tiêu, chỉ tiêu công tác dân số trên địa bàn thị xã, Ủy ban nhân dân thị xã Cửa Lò ban hành “Kế hoạch giảm sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên; cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hoá và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, sức khoẻ sinh sản giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn thị xã Cửa Lò, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện Kế hoạch nhằm thể chế hóa các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giảm sinh, giảm sinh con thứ 3 trở lên; củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình; mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai (PTTT), hàng hoá và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản trên địa bàn thị xã Cửa Lò, bảo đảm tính khả thi, thiết thực, hiệu quả.

- Đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng về PTTT, hàng hóa và dịch vụ KHHGD-CSSKSS có chất lượng cho người dân nhằm giảm mức sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, đảm bảo sự công bằng xã hội, tính bền vững của chương trình dân số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân về công tác dân số trong tình hình mới. Phát huy vai trò, trách nhiệm xã hội, huy động và nâng cao hiệu quả của các nguồn lực đầu tư cho chương trình dân số phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội.

2. Yêu cầu

- Các cấp, các ngành và các địa phương, đơn vị căn cứ kế hoạch này để xây dựng, cụ thể hoá từng nội dung, nhiệm vụ phù hợp với đặc thù của địa phương, đơn vị để thực hiện có hiệu quả các hoạt động về giảm sinh, giảm sinh con thứ 3 trở lên; củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình; mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai (PTTT), hàng hoá và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản tại địa phương, đơn vị.

- Các hoạt động cần được triển khai kịp thời, thiết thực, lựa chọn cách làm

phù hợp, có hiệu quả, đúng tiến độ và chỉ tiêu đề ra.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục duy trì mức sinh thay thế, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên hàng năm; tăng cường khả năng tiếp cận PTTT, hàng hoá và dịch vụ KHHGD-CSSKSS, bảo đảm đầy đủ, đa dạng, kịp thời, an toàn, thuận tiện các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân; góp phần phát triển kinh tế - xã hội thị xã Cửa Lò nhanh, bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Thực hiện duy trì mức sinh thay thế và giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên:

- Tiếp tục duy trì mức sinh thay thế một cách bền vững;
- Hàng năm giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên đạt: 0,1%.
- Đến năm 2025, 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh, hỗ trợ sinh sản và duy trì đến năm 2030.

- Đến năm 2025, có ít nhất 72% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại và duy trì đến năm 2030.

2.2. củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình:

- 100% vị thành niên, thanh niên được cung cấp các thông tin về chăm sóc SKSS/SKTD/KHHGD.

- 100 % cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

- 100% cấp phường tiếp tục triển khai cung ứng các biện pháp tránh thai phi lâm sàng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, y tế thôn bản vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030;

- 100% trạm Y tế đủ khả năng cung cấp các biện pháp tránh thai theo quy định (*trừ triệt sản*) vào năm 2025, duy trì đến năm 2030;

- 100% cấp phường thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động: Người dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình, sử dụng biện pháp tránh thai; hệ lụy của phá thai, nhất là đối với vị thành niên, thanh niên vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

2.3. Đẩy mạnh và mở rộng xã hội hoá phương tiện tránh thai, hàng hoá và dịch vụ KHHGD-CSSKSS:

- Đến năm 2025, 90-95% cán bộ của các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội các cấp và những người có uy tín tại địa bàn triển khai nhận thức sâu sắc được ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của xã hội hóa các PTTT và đạt 95-100% vào năm 2030.

- 100% cán bộ, nhân viên tham gia thực hiện xã hội hóa PTTT của các cơ sở y tế, dân số, các đơn vị cung cấp dịch vụ KHHGD-CSSKSS được cung cấp thông tin, kiến thức về xã hội hóa PTTT, hàng hoá và dịch vụ KHHGD-CSSKSS vào năm 2025 và duy trì đến năm 2030.

- Đến năm 2025, có ít nhất 90% người dân có nhu cầu hiểu biết được tuyên truyền, tư vấn, vận động sử dụng biện pháp tránh thai, hàng hoá và dịch vụ KHHGD-CSSKSS; sản phẩm và dịch vụ phòng ngừa, phát hiện và xử lý nhiễm

khuẩn đường sinh sản; sản phẩm và dịch vụ hỗ trợ sức khoẻ tình dục và đạt 95% vào năm 2030.

- Đến năm 2025, các cơ quan y tế cấp Thị, phường tổ chức cung ứng sản phẩm xã hội hoá PTTT, hàng hoá và dịch vụ KHHGD-CSSKSS và đạt 90% vào năm 2030.

- Đến năm 2025, ít nhất 90% cơ sở y tế đủ điều kiện tham gia xã hội hoá PTTT, hàng hoá và dịch vụ KHHGD-CSSKSS được bổ sung, hỗ trợ trang thiết bị đạt chuẩn để triển khai dịch vụ kỹ thuật và đạt 100% vào năm 2030.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN TRIỂN KHAI

1. Phạm vi: Triển khai trên toàn thị xã.

2. Đối tượng

- Cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể từ thị xã đến cơ sở.
- Nam, nữ, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, vị thành niên, thanh niên.
- Người có uy tín, người đứng đầu tổ chức tại cộng đồng, tôn giáo, dòng họ, cá nhân liên quan.

- Cán bộ y tế, dân số; tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

3. Thời gian:

- Giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025: Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2026 đến năm 2030: Sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch giai đoạn 1, tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nỗ lực thực hiện duy trì mức sinh thay thế và giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ, chính quyền

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa việc chuyển hướng trọng tâm công tác dân số từ Dân số- KHHGD sang Dân số và Phát triển. Thống nhất nhận thức trong lãnh đạo và chỉ đạo cuộc vận động "Mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con".

+ Ban hành các văn bản chỉ đạo tiếp tục thực hiện duy trì mức sinh thay thế và giảm sinh con thứ 3 trở lên.

+ Tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo chuyên đề, cung cấp thông tin cho lãnh đạo đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp về thực trạng công tác dân số, đặc biệt là thực trạng về mức sinh và sinh con thứ 3 trở lên để đề ra các giải pháp duy trì mức sinh và giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên. Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng và xu hướng mức sinh đến năm 2025 và 2030 của từng địa phương để tập trung chỉ đạo hướng đến mục tiêu duy trì mức sinh thay bền vững.

- Cấp uỷ đảng, chính quyền chủ trì huy động các ngành, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện kế hoạch; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, đơn vị trong tổ chức thực hiện; kịp thời có biện pháp điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương trong từng thời kỳ.

+ Ban hành các quy định về cơ chế phối hợp liên ngành trong việc thực hiện kế hoạch duy trì mức sinh thay thế, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên.

+ Tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo huy động các ban, ngành, đoàn thể tổ chức tham gia thực hiện kế hoạch duy trì mức sinh thay thế, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên.

+ Lồng ghép các mục tiêu dân số và phát triển vào nội dung quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của các ban, ngành, đoàn thể.

+ Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện của các địa phương, đơn vị để có biện pháp điều chỉnh kịp thời trong từng giai đoạn.

- Ban hành quy định, quy chế tại địa phương, đơn vị nhằm đảm bảo sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong thực hiện "Mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con", xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc; gắn kết quả thực hiện các mục tiêu duy trì mức sinh thay thế, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên được giao cho các địa phương, đơn vị với đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị, nhất là những người đứng đầu.

+ Ban hành quy định đảm bảo sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện "Mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con", nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

+ Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện quy định đảm bảo gương mẫu của cán bộ, đảng viên và trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, địa phương, đơn vị.

- Gắn kết quả thực hiện các mục tiêu về mức sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên với việc đánh giá xếp loại hàng năm đối với cấp ủy, chính quyền các địa phương, đơn vị.

1.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng trong cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối, Chỉ thị, Nghị quyết, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về chính sách dân số trong tình hình mới. Đặc biệt các nội dung của Chương trình hành động số 75-CTr/TU ngày 06/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới. Kế hoạch số 114-KH/ThU, ngày 11/4/2019 của Thị ủy Cửa Lò về triển khai thực hiện chỉ thị số 25-CT/TU, Chương trình hành động số 75-CTr/TU. Tập trung tuyên truyền, nỗ lực duy trì mức sinh thay thế, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, vận động “mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con” để chăm sóc, nuôi dạy cho tốt.

+ Tổ chức các cuộc hội nghị quán triệt về các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác dân số; Tổ chức các sự kiện truyền thông thực hiện mục tiêu duy trì mức sinh thay thế và giảm sinh con thứ 3 trở lên.

+ Xây dựng phóng sự, bản tin phát trên truyền hình, truyền thanh và trên internet; chuyên trang, chuyên mục trên báo trung ương, địa phương.

- Xây dựng hệ thống thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền, vận động phù hợp với khẩu hiệu vận động là “Dừng ở hai con để nuôi, dạy cho tốt”.

+ Tiếp tục thực hiện tuyên truyền về lợi ích của việc sinh ít con đối với phát triển kinh tế - xã hội và nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc.

+ Tập trung vận động không kết hôn và sinh con quá sớm, không sinh quá dày và không sinh nhiều con.

+ Đối tượng tuyên truyền, vận động chủ yếu là các cặp vợ chồng đã sinh hai con và có ý định sinh thêm con.

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động với các hình thức đa dạng, phong phú, sinh động, hấp dẫn và thuyết phục phù hợp văn hoá, tập quán từng nhóm đối tượng, từng vùng.

+ Tiếp tục tổ chức Chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn thị xã.

+ Tuyên truyền, vận động trực tiếp các đối tượng tại hộ gia đình, cộng đồng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản và tuyên truyền viên của các ngành, đoàn thể cơ sở.

+ Tổ chức các hoạt động truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, chú trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thông đa phương tiện, phát huy thế mạnh của công nghệ 4.0, tuyên truyền qua mạng Internet, Zalo, Facebook về các vấn đề liên quan đến mức sinh, sinh con thứ 3 trở lên.

+ Tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông tại nơi đông dân cư, tập trung nhiều thanh niên, chú trọng tuyên truyền, vận động đối với các nhóm đặc thù như người dân theo đạo công giáo, vùng biển.

+ Sản xuất, nhân bản các phóng sự, phim, tiểu phẩm, kịch bản truyền hình, truyền thanh; cung cấp các tài liệu, tờ rơi, ấn phẩm truyền thông pano, áp phích; tổ chức các loại hình văn hóa, văn nghệ quần chúng.

- Đổi mới toàn diện, chương trình, phương pháp truyền thông về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục, đảm bảo trang bị kiến thức, kỹ năng về chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; định hình giá trị mỗi gia đình nên có hai con vì lợi ích gia đình và xã hội.

+ Tham gia hoạt động tập huấn, đào tạo giảng viên tuyến Thị xã, phường, giảng viên là nhân viên y tế học đường tham gia giảng dạy về dân số, sức khỏe sinh sản.

+ Đánh giá nhu cầu về kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản, hôn nhân, gia đình và các vấn đề có liên quan của nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn.

1.3. Rà soát, hoàn thiện và bổ sung cơ chế chính sách về dân số

Triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số hiện hành; đề xuất ban hành quy định về việc đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, Đảng viên trong việc thực hiện mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con, nuôi dạy con tốt.

- Rà soát, đánh giá tác động của các quy định liên quan đến việc thực hiện mục tiêu duy trì mức sinh thay thế và giảm sinh con thứ 3 trở lên.

- Đề xuất ban hành các quy định sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những nội dung không còn phù hợp với công tác dân số trong tình hình mới.

Cụ thể hoá các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phù hợp.

- Tiếp tục áp dụng và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích người dân sinh ít con:

+ Hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ KHHGĐ, bao gồm cả phương tiện tránh thai.

+ Bồi dưỡng, hỗ trợ người thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, người vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình,....

+ Khuyến khích các cặp vợ chồng, gia đình, tập thể, cộng đồng không có người sinh con thứ 3 trở lên.

- Tiếp tục thực hiện và nâng cao hiệu quả các chính sách khuyến khích theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND tỉnh ngày 13/11/2020 của HĐND tỉnh về quy định một số chính sách dân số trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

1.4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hoá gia đình và các dịch vụ có liên quan

- Phổ cập dịch vụ KHHGĐ-CSSKSS tới mọi người dân đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ, không phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn.

+ Đảm bảo hỗ trợ PTTT và dịch vụ KHHGĐ cho mọi người dân có nhu cầu.

+ Tổ chức cung ứng các dịch vụ KHHGĐ- CSSKSS thân thiện cho vị thành niên, thanh niên.

+ Thí điểm cung cấp dịch vụ KHHGĐ-CSSKSS qua website, email, facebook, zalo,...

+ Dự báo nhu cầu PTTT theo phân đoạn thị trường phục vụ xây dựng kế hoạch hàng năm, trung hạn và dài hạn.

- Xây dựng và triển khai các loại hình phòng, tránh vô sinh từ tuổi vị thành niên tại cộng đồng: Thí điểm mô hình xã hội hóa dịch vụ dự phòng, sàng lọc vô sinh, ung thư đường sinh sản tại cộng đồng cho nhóm dân số trẻ đáp ứng nhu cầu và khả năng chi trả của người dân.

- Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ phù hợp; tư vấn, kiểm tra sức khỏe, phát hiện sớm, phòng tránh các yếu tố nguy cơ dẫn đến sinh con dị tật, mắc các bệnh, tật ảnh hưởng đến việc suy giảm chất lượng nòi giống.

+ Tổ chức Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ KHHGĐ-CSSKSS tại các phường, tổ chức khám sàng lọc, cấp thuốc điều trị cho các trường hợp viêm nhiễm đường sinh sản trước khi thực hiện dịch vụ KHHGĐ;

+ Kiểm tra sức khỏe, phát hiện, tư vấn về phòng, tránh và điều trị cho nam, nữ chuẩn bị kết hôn các nguy cơ sinh con dị tật và mắc các bệnh hiểm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn.

1.5. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số

- Tổ chức đào tạo cập nhật kiến thức mới, tập huấn lại bảo đảm đội ngũ cộng tác viên dân số/y tế thôn bản thực hiện đầy đủ, có hiệu quả việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện mỗi gia đình nên có hai con để chăm sóc nuôi dạy cho tốt; tham gia cung cấp một số dịch vụ tới tận hộ gia đình.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác dân số các cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, đặc biệt là kiến thức, kỹ năng

lồng ghép các nội dung duy trì mức sinh thay thế, giảm sinh con thứ 3 trở lên vào nhiệm vụ, hoạt động của các ngành, đơn vị.

1.6. Nghiên cứu khoa học và hệ thống tin quản lý

- Nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ về quy mô dân số, mức sinh trong mối quan hệ qua lại với phát triển kinh tế - xã hội; các nghiên cứu tác nghiệp về giảm mức sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên.

- Thường xuyên cung cấp, thông tin về động thái dân số và thực trạng mức sinh cho các cơ quan chỉ đạo, điều hành ở trung ương và địa phương.

1.7. Kiểm tra, giám sát, đánh giá

- Định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá; kịp thời đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn.

- Sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 để điều chỉnh cho phù hợp với giai đoạn 2026 - 2030.

2. Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình

2.1. Nâng cao chất lượng của mạng lưới dịch vụ KHHGD-CSSKSS

- Tổ chức cung cấp dịch vụ KHHGD-CSSKSS bảo đảm các nhu cầu thiết yếu, thuận tiện, an toàn và có chất lượng theo phân cấp, phân tuyến kỹ thuật. Phổ biến các kỹ thuật mới, hiện đại nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

- Xây dựng và thực hiện quy trình kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các quy định chuyên môn, quy trình kỹ thuật các dịch vụ KHHGD-CSSKSS tại tất cả các cơ sở cung cấp dịch vụ.

2.2. Tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

- Đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm truyền thông về dân số và phát triển, đảm bảo về chất lượng, đổi mới về hình thức, nội dung truyền thông, chú trọng kênh thông tin đại chúng. Tăng cường áp dụng công nghệ hiện đại, internet, mạng xã hội trong tuyên truyền, vận động về kế hoạch hóa gia đình; lồng ghép với các hoạt động truyền thông vào các mô hình, Đề án khác.

- Đổi mới nội dung, phương pháp truyền thông về giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi.

- Tăng cường tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ tại các cơ sở cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Tư vấn tại cộng đồng về tình dục an toàn, hệ lụy của phá thai, hỗ trợ sinh sản, dự phòng vô sinh.

2.3. Phát triển mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

- Hàng năm đào tạo cho người cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, thực hiện biện pháp tránh thai; tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tư vấn, theo dõi, quản lý đối tượng và cung cấp biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng.

- Mở rộng các hình thức cung cấp phương tiện tránh thai, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại các cơ sở y tế trong và ngoài công lập; ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; thí điểm mô hình cung cấp dịch vụ phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn.

- Nâng cao chất lượng hệ thống tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình (LMIS).

2.4. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực thực hiện Chương trình.

Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia kế hoạch; huy động toàn bộ hệ thống y tế, dân số tham gia thực hiện kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường đầu tư nguồn lực đảm bảo thực hiện mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của chương trình; đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích các cá nhân, tổ chức tham gia xã hội hóa chương trình.

- Lồng ghép các mô hình, đề án, dự án tại địa phương để huy động nguồn lực, tăng cường hiệu lực hiệu quả đầu tư.

- Triển khai tiếp thị xã hội PTTT các biện pháp tránh thai lâm sàng thông qua các gói dịch vụ.

3. Đẩy mạnh và mở rộng xã hội hoá cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hoá và dịch vụ KHHGD-CSSKSS

3.1. Tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin, tạo môi trường xã hội đồng thuận thúc đẩy, phát triển xã hội hóa PTTT, hàng hoá và dịch vụ KHHGD-CSSKSS

- Tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn trực tiếp tại hộ gia đình và cộng đồng, các cuộc truyền thông sự kiện về xã hội hóa PTTT, hàng hoá và dịch vụ KHHGD-CSSKSS; tập trung cho các sản phẩm, dịch vụ mới.

- Tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo chuyên đề, cung cấp thông tin cho lãnh đạo đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp về lợi ích, sự cần thiết của xã hội hoá PTTT, hàng hoá và dịch vụ KHHGD-CSSKSS.

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng (báo chí, truyền hình) xây dựng các chuyên trang, chuyên đề, bản tin, phóng sự...; Phát huy công nghệ 4.0 đẩy mạnh tuyên truyền các sản phẩm xã hội hoá PTTT, hàng hoá và dịch vụ KHHGD-CSSKSS trên các trang mạng xã hội: Zalo, Facebook.

3.2. củng cố và mở rộng cung ứng sản phẩm xã hội hoá PTTT, hàng hoá và dịch vụ KHHGD-CSSKSS

- Bổ sung sản phẩm, dịch vụ mới: Tiến hành đăng ký, bổ sung các sản phẩm, dịch vụ mới, đặc biệt những sản phẩm có tác dụng phòng chống nhiễm khuẩn, hỗ trợ sức khoẻ tình dục, dự phòng sàng lọc ung thư vú, ung thư cổ tử cung, dựa trên nhu cầu, điều kiện của người dân và năng lực của hệ thống cung cấp; Đánh giá khả năng tiếp cận và chấp nhận sử dụng của người dân. Cập nhật, bổ sung các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tư vấn sản phẩm, dịch vụ mới.

- Tổ chức cung ứng sản phẩm trong hệ thống dân số: Xây dựng và mở rộng mạng lưới cộng tác viên, nhân viên y tế thôn bản, chú trọng người đủ năng lực, điều kiện và có nguyện vọng tham gia cung cấp sản phẩm xã hội hoá PTTT, hàng hoá và dịch vụ KHHGD-CSSKSS. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng, chuyên môn phù hợp các nhóm đối tượng tham gia cung cấp sản phẩm xã hội hoá PTTT, hàng hoá và dịch vụ KHHGD-CSSKSS.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách và các quy định hiện hành.

2. Phân công trách nhiệm

2.1. Phòng Y tế

- Chủ trì phối hợp với các phòng, ban ngành liên quan, UBND các phường; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức hội thực hiện tốt Kế hoạch.

- Chỉ đạo Trung tâm Y tế chủ trì thực hiện Kế hoạch hàng năm và hướng dẫn, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn của Kế hoạch; chủ động phối hợp với các đơn vị tham gia để triển khai thống nhất các hoạt động Kế hoạch trên địa bàn thị xã; Tiến hành kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch theo định kỳ và đột xuất (nếu có).

2.2. Phòng Tài chính- Kế hoạch:

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách thị xã, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch.

2.3. Phòng Văn hóa và Thông tin:

- Chỉ đạo Trung tâm Văn hóa – Thể Thao- Truyền Thông, đài truyền thanh các phường phối hợp Trung tâm Y tế đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền về các nội dung hoạt động của Kế hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là hệ thống thông tin ở cơ sở; tận dụng triệt để thế mạnh của công nghệ truyền thông hiện đại, internet, mạng xã hội... trong truyền thông về dân số.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan truyền thông, xuất bản, trang thông tin điện tử và các tổ chức, cá nhân nếu có hành vi vi phạm các nội dung tuyên truyền chủ trương, chính sách dân số.

2.4. Các Phòng, Ban ngành liên quan:

Phối hợp với Trung tâm Y tế và Ủy ban nhân dân các phường tham gia thực hiện Kế hoạch trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

2.5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thị xã:

Gắn với nhiệm vụ chính trị và các phong trào thi đua để phối hợp với Trung tâm Y tế thị xã và các ban ngành liên quan, các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội, các chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo lồng ghép tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân thực hiện tốt chính sách dân số. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện các cuộc vận động về dân số, đặc biệt là cuộc vận động “Mỗi cặp vợ chồng nên có hai con để nuôi dạy cho tốt”.

2.6. Ủy ban nhân dân các phường:

- Căn cứ vào tình hình thực tế và nội dung tại kế hoạch này xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt hơn nữa trong việc thực hiện đạt được mục tiêu, các chỉ tiêu của Kế hoạch, đặc biệt là chỉ tiêu duy trì mức sinh thay thế, giảm sinh (đối với các phường có mức sinh còn cao), giảm sinh con thứ 3 trở lên trên địa bàn.

- Hàng năm, chủ động cân đối và bố trí nguồn lực hỗ trợ triển khai thực hiện các hoạt động của Kế hoạch trên địa bàn có hiệu quả.

Trên đây là “Kế hoạch giảm sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên; cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, sức khoẻ sinh sản giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn thị xã Cửa Lò.

Trong quá trình triển khai, nếu gặp các vấn đề phát sinh, gửi kiến nghị về Trung tâm Y tế tổng hợp (qua phòng Dân số- Trung tâm Y tế thị xã) trình UBND thị xã điều chỉnh phù hợp với thực tế nhằm đạt mục tiêu kế hoạch. /.

Nơi nhận:

- Như Kế hoạch;
- Sở Y tế;
- Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh;
- TT Thị ủy, TT HĐND thị xã;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND thị xã;
- CVP, PCVP VX UBND thị xã;
- UBND các phường;
- Lưu: VT.

AT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Phúc